

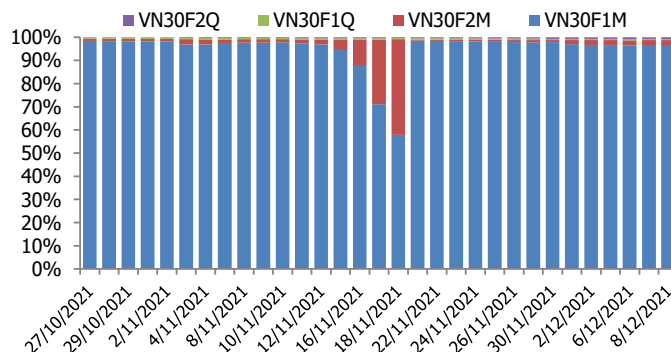
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

MÃ	Ngày đáo hạn	Số ngày	Đóng cửa	OI
VN30F2112	16/12/2021	8	1511.00	35,485
VN30F2201	20/1/2022	43	1509.90	929
VN30F2203	17/3/2022	99	1505.50	172
VN30F2206	16/6/2022	190	1503.30	294

TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Áp lực bán gia tăng về cuối phiên khiến các HĐTL thu hẹp đà tăng trước đó, đóng cửa với mức dao động từ -4,5 điểm đến 3,9 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 3,54 điểm. Do đó, basis của các hợp đồng kỳ hạn gần nhất suy yếu so với phiên trước đó, cụ thể basis của kỳ hạn tháng 12 tăng giảm xuống -5,16 điểm. Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm 9,72% so với phiên liền trước, đạt 145.604 hợp đồng được khớp lệnh. Khối ngoại tiếp tục mua ròng HĐTL tháng 12 với 161 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 7.588 hợp đồng.
- Thị trường cơ sở tiếp tục hồi phục trong nghi ngờ trên nền thanh khoản thấp, tuy vậy sau nhịp giảm mạnh của chỉ số VN-Index thì điều cần quan sát là nhịp này của chỉ số này và độ rộng của thị trường. Hôm nay mặc dù các trụ lớn như VIC, VNM, VHM,...liên tục bị ép trong phiên nhưng chỉ số VN-Index vẫn không bị đẩy xuống thấp hơn mức tham chiếu, cả chỉ số VN-Index và VN30 đều test đáy thấp nhất trong phiên thành công sau các nhịp rung lắc.
- Chênh lệch giữa VN30F1M và VN30 (basis) liên tục dao động từ âm 10 đến dương +10, phản ánh sự kỳ vọng thay đổi liên tục của cả bên Long và bên Short. Với xu hướng ngắn hạn đang giằng co thì rất khó tạo ra kịch bản giao dịch phù hợp. Kỳ vọng 2 phiên cuối tuần chỉ số xuất hiện với những nhịp tăng giảm đan xen trong biên độ với hỗ trợ 1492-1500 điểm và kháng cự 1525-1530 điểm. Chiến lược hợp lý nhất trong 2 phiên tới là giao dịch trong biên độ với tỷ trọng nhỏ.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chiến lược giao dịch trong ngày

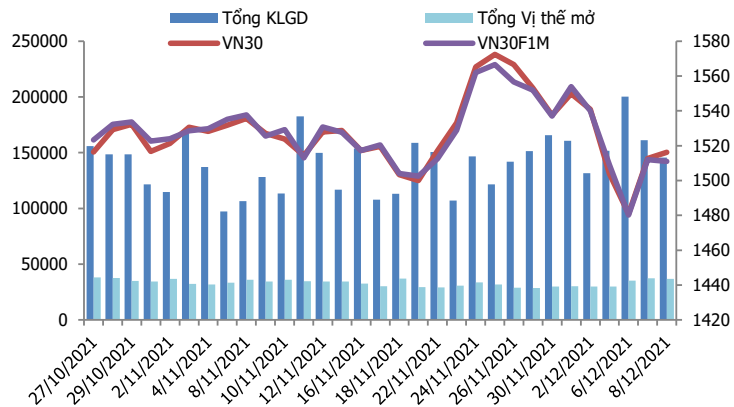
Ưu tiên mở vị thế Long khi giá điều chỉnh về khu vực hỗ trợ 1505-1509 điểm và quản trị rủi ro nếu chỉ số thủng ngưỡng 1500 điểm, bán chốt lời nếu giá tăng trở lại kháng cự mạnh 1519-1522 điểm.

Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Biên độ dao động lớn do đó nên hạn chế giữ vị thế qua đêm.

Chiến lược giao dịch spread

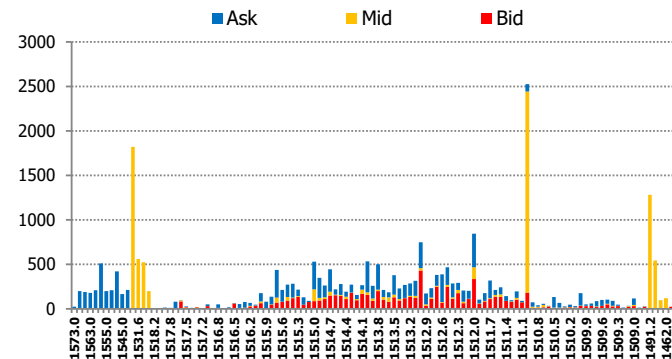
Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN

Hợp đồng	Giá	% Chg	KLGĐ	% Chg	OI	% Chg
VN30F2112	1511.0	-0.07	144,500	-9.9	35,485	-1.1
VN30F2201	1509.9	0.26	397	-35.6	929	-0.3
VN30F2203	1505.5	-0.09	342	40.7	172	-0.6
VN30F2206	1503.3	-0.30	365	247.6	294	3.5
Tổng			145,604	-9.7	36,880	-1.0

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Áp lực bán gia tăng về cuối phiên khiến các HĐTL thu hẹp đà tăng trước đó, đóng cửa với mức dao động từ -4,5 điểm đến 3,9 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 3,54 điểm. Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm 9,72% so với phiên liền trước, đạt 145.604 hợp đồng được khớp lệnh. Khối ngoại tiếp tục mua ròng HĐTL tháng 12 với 161 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 7.588 hợp đồng.
- Thanh khoản thị trường phái sinh giảm so với phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt 145.604 hợp đồng, tương ứng giảm 9,73%. Trong đó, thanh khoản tập trung tại hợp đồng tương lai tháng 11 với 144.500 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2111 là 1.516,59 điểm (cao hơn 5,59 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2112 là 1.518,47 điểm (+8,57 điểm), VN30F2203 là 1.521,48 điểm (+15,98 điểm) và VN30F2203 là 1.526,39 điểm (+23,09 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

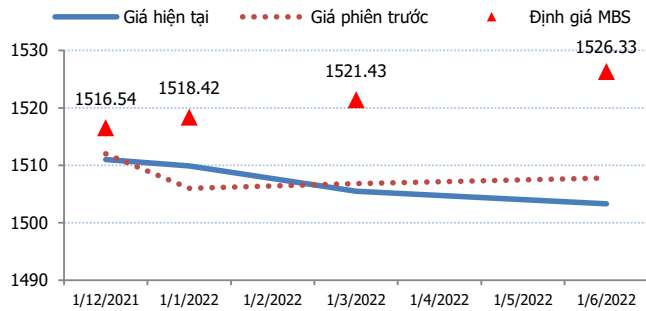
Khung thời gian	15m	1h	Daily
Tổng kết	SELL	NEUTRAL	SELL
Hỗ trợ	1504-1507	1490-1497	1448-1464
Kháng cự	1519-1522	1534-1538	1553-1565

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M



Spread HĐTL	Hiện tại	Phiên trước	+/-	MA5
VN30F2M - VN30F1M	-1.1	-6.00	4.9	-1.26
VN30F1Q - VN30F1M	-5.5	-5.20	-0.3	-7.18
VN30F1Q - VN30F2M	-4.4	0.80	-5.2	-5.92
VN30F2Q - VN30F1M	-7.7	-4.20	-3.5	-7.02
VN30F2Q - VN30F2M	-6.6	1.80	-8.4	-5.76
VN30F2Q - VN30F1Q	-2.2	1.00	-3.2	0.16

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M

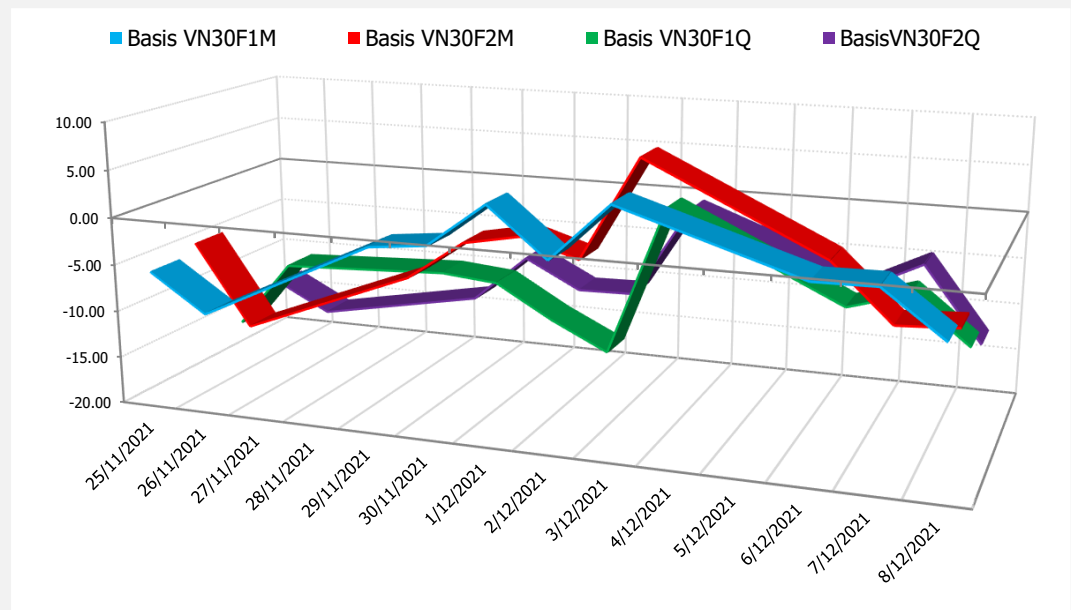


NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL

- Áp lực bán gia tăng về cuối phiên khiến các HĐTL thu hẹp đà tăng trước đó, đóng cửa với mức dao động từ -4,5 điểm đến 3,9 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 3,54 điểm. Do đó, basis của các hợp đồng kỳ hạn gần nhất suy yếu so với phiên trước đó, cụ thể basis của kỳ hạn tháng 12 tăng giảm xuống -5,16 điểm.

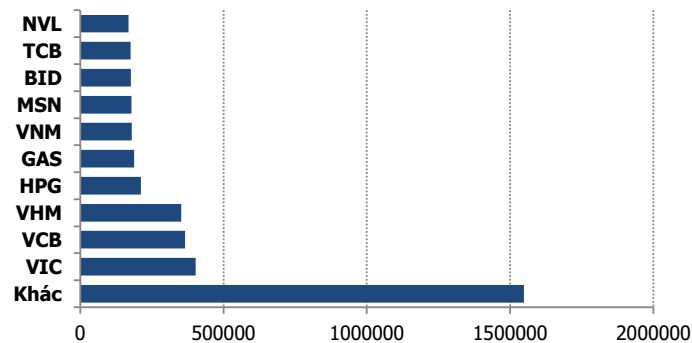
- Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng giảm, hiện nằm trong khoảng -7,7 điểm đến -1,1 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2112-VN30F2111) tăng thêm 4,9 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL

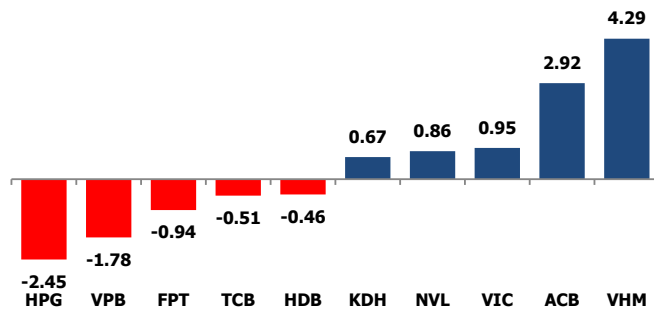


	VNIndex	VN30
Đóng cửa	1452.87	1516.16
Thay đổi	6.10	3.54
%Chg	0.42	0.23
YTD	31.62	41.60
Vốn hóa (ngh.tỷ đồng)	5,653.80	3,947.53
P/E	17.20	14.63
P/B	2.72	2.95

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

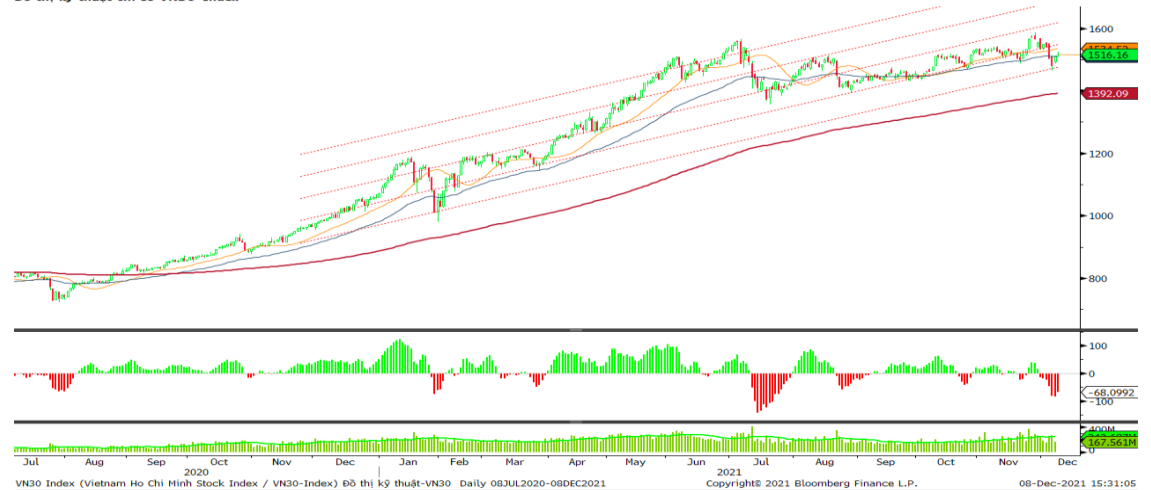
- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nhân tố giúp các chỉ số chính tiếp tục duy trì đà tăng điểm. Số mã tăng điểm (19) áp đảo hoàn toàn so với số mã giảm điểm (10) và 1 mã đứng tham chiếu. TPB và STB trở thành hai trụ đỡ góp tích cực nhất tới đà tăng của VN30-Index với mức đóng góp lần lượt là +2,69 điểm và +1,09 điểm; ngoài ra NVL, PNJ hay MBB là những bluechips tăng và kéo chỉ số VNI đóng cửa trên mốc tham chiếu.

Chốt phiên, chỉ số VN30 tăng 3,54 điểm (+0,23%) lên 1.516,16 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 184,44 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị 7.795 tỷ đồng.

Khối ngoại quay trở lại bán ròng nhẹ với 125,65 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực bán tập trung ở các mã như TCH (-55 tỷ đồng), HPG (-54 tỷ đồng), NVL (-50 tỷ đồng), SSI (-48 tỷ đồng), HDG (-47 tỷ đồng).

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30

Đồ thị kỹ thuật chỉ số VN30-Index



Chỉ số	Điểm số	%Chg	P/E	YTD
VNIndex	1,452.87	0.42	17.20	31.62
Dow Jones	35,754.75	0.10	19.94	16.82
S&P500	4,701.21	0.31	25.78	25.16
Nikkei 225	28,857.52	(0.01)	16.45	5.15
Shanghai	3,637.57	1.18	15.50	4.74
DAX	15,687.09	(0.80)	15.52	14.35
Vàng	1,783.47	0.03		(6.05)
Dầu WTI	72.53	0.23		49.48

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

	Kỳ trước	Dự báo	Thực tế
Thứ Hai - 06/12/2021			
Anh - PMI Xây dựng (Tháng 11)	54.6	52.0	55.5
Thứ Ba - 07/12/2021			
Úc - Quyết định lãi suất (Tháng 12)	0.10%	0.10%	0.10%
Đức - Chỉ số cảm tính kinh tế của ZEW (Tháng 12)	31.7	25.1	29.9
Canada - Chỉ số PMI Ivey (Tháng 11)	59.3		61.2
Nhật Bản - Tổng GDP (quý/quý) (Quý 3)	0.5%	-0.8%	-0.9%
Thứ Tư - 08/12/2021			
Ấn Độ - Quyết định lãi suất	4.00%	4.00%	4.00%
Mỹ - Cơ hội việc làm của JOLTs (Tháng 10)	10.602M	10.369M	11.033M
Canada - Quyết định lãi suất	0.25%	0.25%	0.25%
Mỹ - Dự trữ dầu thô	-0.910M	-1.705M	-0.240M
Thứ Năm - 09/12/2021			
Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu	222K	228K	
Thứ Sáu - 10/12/2021			
Anh - Tổng GDP (tháng/tháng)	0.6%		
Anh - Tổng GDP (năm/năm) (Quý 3)	6.6%	22.2%	
Anh - Sản lượng sản xuất (tháng/tháng) (Tháng 10)	0.1%	0.1%	
Mỹ - CPI lõi (tháng/tháng) (Tháng 11)	0.6%	0.5%	

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Chứng khoán Mỹ tăng nhẹ khi nhà đầu tư tiếp tục kỳ vọng khả năng ảnh hưởng của biến thể Omicron sẽ không đe dọa như nhiều người nghĩ trước đó. Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Tư, chỉ số Dow Jones đảo chiều tăng vào gần cuối phiên, nhích 35,32 điểm (+0,1%) lên 35.754,75 điểm. Chỉ số S&P 500 tiến 0,3% lên 4.701,21 điểm và còn cách 0,9% so với mức cao kỷ lục. Chỉ số Nasdaq Composite cộng 0,6% lên 15.786,99 điểm.
- Giá dầu tăng trong phiên đầy biến động, tạm chững lại sau khi tăng vọt hồi đầu tuần, khi nhà đầu tư đánh giá tác động của biến thể Omicron đến kinh tế toàn cầu. Kết phiên, hợp đồng dầu Brent tiến 38 xu (+0,5%) lên 75,83 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI cộng 31 xu (+0,43%) lên 72,36 USD/thùng.
- Giá vàng gần như không đổi với đà suy yếu của đồng USD bù đắp đà tăng của lợi suất trái phiếu Mỹ.
- Đóng cửa, hợp đồng vàng giao ngay gần như đi ngang tại mức 1.784,01 USD/oz, giảm từ mức đỉnh trong phiên là 1.792,90 USD/oz. Hợp đồng vàng tương lai cũng hầu như không đổi ở mức 1.785,50 USD/oz.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 TPB, STB và NVL là những nhân tố chính giúp chỉ số VN30 tiếp tục tăng điểm. Trong đó, TPB đóng góp +2,69 điểm cho chỉ số VN30.

Phân tích kỹ thuật TPB



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

Cổ phiếu	Ngành	Tỷ trọng (%)	Giá	%Chg	H-L	GTGD	Điểm tác động	PE	PB
VIC	Real Estate Management & Development	8.26	105,900	-0.75	3.38%	371.937	0.95	84.86	3.97
TCB	Banks	8.18	50,000	0.00	1.80%	383.461	-0.51	10.07	2.00
HPG	Metals & Mining	8.17	47,200	-0.84	1.81%	526.101	-2.45	6.66	2.51
VPB	Banks	7.41	35,750	0.28	4.00%	586.81	-1.78	12.85	2.55
VHM	Real Estate Management & Development	6.20	81,000	-0.74	1.11%	309.993	4.29	9.77	4.02
ACB	Banks	5.45	33,100	0.46	2.61%	95.566	2.92	9.20	2.11
FPT	Electronic Equipment, Instruments & Components	5.29	95,600	-0.42	1.58%	102.005	-0.94	21.52	5.11
VNM	Food Products	5.15	86,000	-0.58	0.93%	111.386	0.09	19.06	5.78
MSN	Food Products	5.12	151,100	-0.53	0.60%	98.25	-0.37	74.40	8.29
MWG	Specialty Retail	4.45	133,900	0.30	1.50%	92.094	-0.31	21.84	5.08
MBB	Banks	4.23	28,400	0.89	2.32%	208.081	0.00	9.66	1.91
NVL	Real Estate Management & Development	4.21	113,900	1.15	2.24%	391.359	0.86	47.92	4.90
STB	Banks	3.67	28,600	1.96	3.60%	446.462	-0.19	15.29	1.62
HDB	Banks	3.03	30,300	1.00	5.23%	199.467	-0.46	10.77	2.19
VCB	Banks	2.89	98,700	0.51	1.43%	50.048	0.05	17.32	3.35
TPB	Banks	2.58	51,100	6.90	6.24%	460.654	0.35	11.53	2.42
SSI	Capital Markets	2.37	51,800	-0.77	2.12%	679.646	-0.21	23.85	3.76
VJC	Airlines	2.36	121,400	-1.30	2.41%	89.321	-0.45	435.74	3.88
CTG	Banks	1.71	33,000	0.92	1.68%	210.485	0.16	9.57	1.67
VRE	Real Estate Management & Development	1.60	30,100	0.50	2.34%	281.278	0.16	31.56	2.24
PDR	Capital Markets	1.38	98,600	0.82	1.44%	555.108	0.15	30.41	7.76
KDH	Real Estate Management & Development	1.37	45,800	1.10	1.66%	45.067	0.67	24.67	3.01
PNJ	Textiles, Apparel & Luxury Goods	1.26	96,600	2.99	3.90%	37.73	0.48	22.92	3.95
SAB	Food Products	0.77	152,900	-0.07	0.59%	22.1	-0.32	25.99	4.62
GAS	Gas Utilities	0.67	98,200	1.76	2.58%	108.03	-0.05	22.93	3.82
BID	Banks	0.51	44,000	0.92	1.96%	50.165	0.29	17.96	2.14
POW	Independent Power and Renewable Electricity Producer	0.51	15,100	1.68	4.32%	642.227	-0.05	12.18	1.17
PLX	Oil, Gas & Consumable Fuels	0.49	53,800	0.56	2.05%	59.905	-0.13	20.30	2.79
GVR	Real Estate Management & Development	0.42	37,000	1.09	4.50%	68.947	-0.04	29.73	3.01
BVH	Beverages	0.31	57,700	-1.20	1.74%	33.741	-0.07	23.33	2.01

STT	Thông tin cơ bản HĐTL VN30	Đặc điểm sản phẩm
1	Mã hợp đồng	VN30F-yy-mm
2	Tài sản cơ sở	Chỉ số cổ phiếu VN30
3	Hệ số nhân hợp đồng	100.000 đồng
4	Quy mô 01 hợp đồng	100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30
5	Tháng đáo hạn	- Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất
6	Phương thức giao dịch	- Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận
7	Thời gian giao dịch	GD Khớp lệnh định kỳ - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45
	GD khớp lệnh liên tục	- Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30
	GD Thỏa thuận	- 08h45 - 14h45
8	Các loại lệnh giao dịch	LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.
9	Nguyên tắc khớp lệnh	Ưu tiên giá và thời gian.
10	Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh	01 hợp đồng
11	Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh	500 hợp đồng
12	Đơn vị yết giá/ Bước giá	0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng
13	Biên độ dao động	+/- 7%
14	Ngày giao dịch cuối cùng	Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.
15	Ngày thanh toán cuối cùng	Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.
16	Phương thức thanh toán	Thanh toán bằng tiền
17	Giá thanh toán hàng ngày	Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.
18	Giá thanh toán cuối cùng	Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL.
19	Giá tham chiếu	Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.
20	Mở tài khoản	Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.
21	Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK	NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng
22	Mức ký quỹ ban đầu	Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn.
23	Mức ký quỹ duy trì	Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.
24	Ký quỹ bổ sung	Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch.
25	Thoát khỏi hợp đồng tham gia	Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội
Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601
[Webiste: www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)
Hotline: **1900 9088**

KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Trần Hoàng Sơn	Trưởng bộ phận/Kiểm soát	son.tranhoang@mbs.com.vn
Phạm Văn Quỳnh	Chuyên viên nghiên cứu	quynh.phamvan@mbs.com.vn
Đình Việt Long	Chuyên viên nghiên cứu	long.dinhviet@mbs.com.vn